VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Tiếp theo Công báo số 345 + 346)

Phụ lục VIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cảng	Tên sông	Địa điểm dự kiến	Loại, công suất dự kiến
I	**Cảng hàng hóa**			
1	**Cảng theo quy hoạch quốc gia**			
1.1	Cảng Vĩnh Thịnh	Sông Hồng	Vĩnh Tường	Hàng hóa, 500.000 tấn/năm
1.2	Cảng Cam Giá	Sông Hồng	Vĩnh Tường	Hàng hóa, 500.000 tấn/năm
1.3	Cảng An Tường	Sông Hồng	Vĩnh Tường	Hàng hóa, 500.000 tấn/năm
1.4	Cảng Như Thụy	Sông Lô	Sông Lô	Hàng hóa, 500.000 tấn/năm
1.5	Cảng Đức Bác	Sông Lô	Sông Lô	Hàng hóa, 300.000 tấn/năm
2	**Cảng quy hoạch tiềm năng**			
2.1	Cảng Hải Lựu	Sông Lô	Sông Lô	Hàng hóa, 300.000 tấn/năm
2.2	Cảng Sơn Đông	Sông Lô	Lập Thạch	Hàng hóa, 300.000 tấn/năm
2.3	Cảng Cao Phong	Sông Lô	Sông Lô	Hàng hóa, 300.000 tấn/năm

TT	Tên cảng	Tên sông	Địa điểm dự kiến	Loại, công suất dự kiến
2.4	Cảng Việt Xuân	Sông Lô	Vĩnh Tường	Hàng hóa, 300.000 tấn/năm
2.5	Cảng Cao Đại	Sông Hồng	Vĩnh Tường	Hàng hóa, 300.000 tấn/năm
2.6	Cảng Trung Hà	Sông Hồng	Yên Lạc	Hàng hóa, 300.000 tấn/năm
2.7	Cảng Hồng Châu	Sông Hồng	Yên Lạc	Hàng hóa, 300.000 tấn/năm
2.8	Các cảng khác	Sông Hồng - Sông Lô	Các huyện, thành phố	
II	**Cảng hành khách**			
	Cụm cảng hành khách Vĩnh Phúc - Phú Thọ	Sông Hồng - Sông Lô		Cảng khách, 100.000 hành khách/năm

Ghi chú:

- Việc đầu tư các cảng thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc phải phù hợp với Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật. Ngoài dự kiến các cảng xây dựng mới nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các cảng khác phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

Phụ lục IX

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG SẮT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tuyến	Chiều dài (km)	Khổ đường (mm)
I	**Đường sắt quốc gia**		
1	Đường sắt Hà Nội - Lào Cai	35	1.000 mm
2	Đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	Theo dự án đầu tư	1.435 mm
II	**Đường sắt đô thị**		
1	Tuyến số 1 (Nội Bài -Vĩnh Yên -Sơn Tây)	Theo dự án đầu tư	
2	Tuyến số 2 (Phúc Thọ - Vĩnh Yên - Tam Đảo)	Theo dự án đầu tư	

Ghi chú:

- Hướng tuyến, phạm vi sử dụng đất, thời gian thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật. Ngoài dự kiến các tuyến đường sắt nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các tuyến đường sắt khác phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

Phụ lục X

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẢNG CẠN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cảng	Địa điểm dự kiến	Kết nối hạ tầng giao thông vận tải	Kết nối cảng biển/cửa khẩu	Diện tích dự kiến (ha)	
					Giai đoạn đến 2030	Giai đoạn đến 2050
1	Cảng cạn Hương Canh	Huyện Bình Xuyên	Đường bộ: cao tốc Hà Nội - Lào Cai, cao tốc Hà Nội Hải Phòng. Đường sắt: Hà Nội - Lào Cai.	Cảng biển: Hải Phòng, Quảng Ninh. Cửa khẩu: Lào Cai; Lạng Sơn.	83	83
2	Cảng cạn Lập Thạch	Huyện Lập Thạch	Đường bộ: cao tốc Hà Nội - Lào Cai, cao tốc Hà Nội Hải Phòng.	Cảng biển: Hải Phòng, Quảng Ninh. Cửa khẩu: Lào Cai; Lạng Sơn.	-	50
3	Cảng cạn Cam Giá	Huyện Vĩnh Tường	Đường bộ: quốc lộ 2C, quốc lộ 32, cao tốc Hà Nội - Lào Cai, cao tốc Hà Nội Hải Phòng. Đường thủy nội địa: sông Hồng.	Cảng biển: Hải Phòng, Quảng Ninh. Cửa khẩu: Lào Cai; Lạng Sơn.	-	30

Ghi chú:

- Việc đầu tư các cảng cạn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc phải phù hợp với Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật. Ngoài dự kiến các cảng xây dựng mới nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các cảng khác phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

Phụ lục XI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN VÀ MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

A. QUY HOẠCH NGUỒN ĐIỆN

TT	Hạng mục	Ghi chú
	Nguồn điện tiềm năng	
1	Điện mặt trời	Triển khai theo kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII
2	Điện gió	
3	Điện sinh khối	
4	Điện rác	

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án nguồn điện có tiềm năng phát triển phải bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII), Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các quy hoạch liên quan và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

B. QUY HOẠCH LƯỚI ĐIỆN

TT	Hạng mục
I	**Hệ thống điện 500 kV**
A	**Trạm biến áp**
	Xây dựng mới trạm biến áp 500 kV Vĩnh Yên, quy mô công suất 3x900 MVA, trước mắt đầu tư công suất 2x900 MVA, tại khu vực xã Trung Mỹ, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.
B	**Đường dây**
1	Xây dựng mới tuyến 500 kV Lào Cai - Vĩnh Yên (tổng chiều dài 49 km trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc)

TT	Hạng mục
2	Xây dựng mới đường dây 04 mạch 500 kV Vĩnh Yên - Rẽ Sơn La - Hiệp Hòa và Việt Trì - Hiệp Hòa, chiều dài 5 km đấu nối TBA 500 kV Vĩnh Yên.
3	Xây dựng mới đường dây mạch kép 500 kV Tây Hà Nội - Vĩnh Yên, chiều dài 44 km tạo liệt kết 500 kV giữa tỉnh Vĩnh Phúc và Thủ đô Hà Nội.
II	**Hệ thống điện 220 kV**
A	**Trạm biến áp**
1	Xây dựng mới trạm biến áp 220 kV Bá Thiện, quy mô 3 x 250 MVA, lắp trước MBA AT1 250 MVA.
2	Nâng công suất trạm biến áp 220 kV Bá Thiện lên 2 x 250 MVA.
3	Xây dựng mới trạm biến áp 220 kV Tam Dương, quy mô 3x250 MVA, lắp trước MBA AT1 250 MVA.
4	Nâng công suất trạm biến áp 220 kV Tam Dương lên 2x250 MVA.
5	Xây dựng mới trạm biến áp 220 kV Phúc Yên, công suất 2x250 MVA, lắp trước MBA AT1 250 MVA.
6	Xây dựng mới trạm biến áp 220 kV Chấn Hưng, công suất 2x250 MVA, lắp trước MBA AT1 250 MVA.
7	Nâng công suất trạm biến áp 220 kV Vĩnh Tường từ 250 MVA lên 2x 250 MVA;
B	**Đường dây**
1	Xây dựng mới đường dây mạch kép 220 kV từ trạm 500 kV Việt Trì - Bá Thiện (500 kV Vĩnh Yên), tiết diện ACSR2x330, dài 43 km.
2	Xây dựng mới đường dây mạch kép 220 kV Bá Thiện (Vĩnh Yên 500kV) - Rẽ Vĩnh Yên - Sóc Sơn, tiết diện ACSR2x330, dài 13 km.
3	Xây dựng mới đường dây bốn mạch Tam Dương - Rẽ 500kV Việt Trì - Bá Thiện (500 kV Vĩnh Yên), tiết diện ACSR2x330, dài 2,0 km.
4	Xây dựng mới đường dây mạch kép 220 kV từ Bá Thiện (Vĩnh Yên 500 kV) - Mê Linh, tiết diện ACSR2x330, dài 25 km.
5	Xây dựng mới và cải tạo chuyển đấu nối thành đường dây mạch kép Vĩnh Tường - Vĩnh Yên, tiết diện ACSR2x330, dài 8 km.
6	Xây dựng mới đường dây mạch kép 220 kV Phúc Yên - Rẽ 500 kV Vĩnh Yên - 220 kV Vĩnh Yên, tiết diện ACSR2x330, dài 2 km.

TT	Hạng mục
7	Xây dựng mới đường dây mạch kép 220kV Chấn Hưng - Rẽ 500 kV Việt Trì - 220 kV Vĩnh Yên, tiết diện ACSR2x330, dài 2 km.
8	Cải tạo, nâng khả năng tải đường dây mạch đơn 220 kV trạm 500 kV Việt Trì - Vĩnh Tường dài 27 km.
9	Cải tạo, nâng khả năng tải đường dây mạch đơn 220 kV trạm 500 kV Việt Trì - Vĩnh Yên dài 36 km.
10	Cải tạo, nâng khả năng tải đường dây mạch đơn 220 kV Sơn Tây - Vĩnh Yên thành mạch kép 30 km.
III	**Hệ thống điện 110 kV**
A	**Trạm biến áp**
1	Thay máy T1, T2 nâng công suất trạm 110 kV Khu công nghiệp Thăng Long 3 từ 2x25 MVA thành 4x40 MVA.
2	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Bá Thiện, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
3	Nâng công suất TBA 110 kV Bá Thiện lên 2x63 MVA.
4	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Sơn Lôi, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
5	Nâng công suất TBA 110 kV Sơn Lôi lên 2x63 MVA.
6	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Nam Bình Xuyên, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
7	Nâng công suất TBA 110 kV Nam Bình Xuyên lên 2x63 MVA.
8	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Bá Thiện 2, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
9	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Sơn Lôi 2, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
10	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Vĩnh Yên 3, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
11	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Nam Bình Xuyên 2, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
12	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Phúc Yên 2, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).

TT	Hạng mục
13	Nâng công suất TBA 110 kV Phúc Yên 2 lên 2x63 MVA.
14	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Xuân Hòa, công suất 2x40 MVA (lắp trước MBA T1 40 MVA).
15	Thay máy biến áp T3 trạm biến áp 220 kV Vĩnh Tường (110 kV Vĩnh Tường nối cấp) từ 40 MVA thành 63 MVA.
16	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Đồng Sóc, công suất 3x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
17	Nâng công suất TBA 110 kV Đồng Sóc lên 2x63 MVA.
18	Nâng công suất TBA 110 kV Đồng Sóc lên 3x63 MVA.
19	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Chấn Hưng, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
20	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Yên Lạc, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
21	Nâng công suất TBA 110 kV Yên Lạc lên 2x63 MVA.
22	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Yên Lạc 2, công suất (40+63) MVA (lắp trước MBA T1 40 MVA).
23	Nâng công suất TBA 110 kV Yên Lạc 2 lên 2x63 MVA.
24	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Tam Dương, công suất 3x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
25	Nâng công suất TBA 110 kV Tam Dương lên 2x63 MVA.
26	Nâng công suất TBA 110 kV Tam Dương lên 3x63 MVA.
27	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Tam Dương 2, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
28	Nâng công suất TBA 110 kV Tam Dương 2 lên 2x63 MVA.
29	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Thanh Vân, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
30	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Sông Lô, công suất (40+63) MVA (lắp trước MBA T1 40 MVA).
31	Nâng công suất TBA 110 kV Sông Lô lên 2x63 MVA.

TT	Hạng mục
32	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Sông Lô 2, công suất 2x40 MVA (lắp trước MBA T1 40 MVA).
33	Nâng công suất TBA 110 kV Sông Lô 2 lên 2x40 MVA.
34	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Sông Lô 3, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
35	Nâng công suất TBA 110 kV Lập Thạch lên 2x63 MVA.
36	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Lập Thạch 2, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
37	Nâng công suất TBA 110 kV Lập Thạch 2 lên 2x63 MVA.
38	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Lập Thạch 3, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
39	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Lập Thạch 4, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
40	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Lập Thạch 5, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
41	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Tam Đảo 2, công suất 2x40 MVA (lắp trước MBA T1 40 MVA).
42	Nâng công suất TBA 110 kV Tam Đảo 2 lên 2x40 MVA.
43	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Đồng Cương, công suất 2x63 MVA (lắp trước MBA T1 63 MVA).
44	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Tam Đảo, công suất 2x40 MVA (lắp trước MBA T1 40 MVA).
45	Nâng công suất TBA 110 kV Tam Đảo lên 2x40 MVA.
46	Dự phòng phát sinh TBA 110 kV xây dựng mới, cải tạo nâng công suất 200 MVA (Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện)
B	**Đường dây**
1	Xây dựng mới đường dây 110 kV 02 mạch x 18 km kết nối lưới 110 kV sau trạm 220 kV Vĩnh Yên - trạm 220 kV Vĩnh Tường, dây dẫn ACSR400/51.
2	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Nam Bình Xuyên chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Yên - trạm 220 kV Vĩnh Tường, dây dẫn ACSR400/51.

TT	Hạng mục
3	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 13,7 km đấu nối trạm 110 kV Tam Đảo chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 110 kV Vĩnh Yên 2 - trạm 110 kV Thiện Kế, dây dẫn ACSR400/51.
4	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 04 mạch x 1,5 km sau trạm 220 kV Bá Thiện đấu chuyển tiếp trên 02 mạch đường dây 110 kV Kế Thiện - Tam Đảo (Đồng bộ với trạm 220 kV Bá Thiện), dây dẫn ACSR400/51.
5	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 02 mạch x 7,0 km sau trạm 220 kV Bá Thiện đấu nối khép mạch vòng về trạm 110 kV Khu công nghiệp Thăng Long 3 (Đoạn đầu đi chung cột 04 mạch dài 7 km), dây dẫn ACSR400/51.
6	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 02 mạch x 18 km sau trạm 220 kV Bá Thiện đấu nối khép mạch vòng về trạm 110 kV Khai Quang - Vĩnh Yên, dây dẫn ACSR400/51.
7	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 06 mạch x 0,602 km sau trạm 220 kV Tam Dương trong đó đấu chuyển tiếp 04 mạch trên đường dây 110 kV Tam Dương - Sơn Nam; Treo dây trên đường dây 110 kV mạch kép 110 kV nhánh rẽ Sơn Nam (có kết cấu 04 mạch) với chiều dài khoảng 3,48 km (Đồng bộ với trạm 220 kV Tam Dương), dây dẫn ACSR400/51.
8	Xây dựng mới đường dây 110 kV 02 mạch x 23,4 km nhánh rẽ 110 kV đi Nam Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Tam Dương - Sơn Nam), dây dẫn ACSR400/51.
9	Xây dựng mới đường dây 110 kV 02 mạch x 4,5 km nhánh rẽ 110 kV đi Phúc Yên 2 đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 110 kV từ trạm 220 kV Vĩnh Yên đi 220 kV Mê Linh, dây dẫn ACSR400/51.
10	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 02 mạch x 0,5 km sau trạm 220 kV Phúc Yên cấp điện cho trạm 110 kV Phúc Yên 2 (Đồng bộ với trạm 220 kV Phúc Yên), dây dẫn ACSR400/51.
11	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 04 mạch x 5 km sau trạm 220 kV Phúc Yên đấu chuyển tiếp trên 02 mạch đường dây 110 kV từ trạm 220 kV Bá Thiện - 110 kV Khai Quang và từ trạm 220 kV Bá Thiện - 110 kV Vĩnh Yên (Đồng bộ với trạm 220 kV Phúc Yên), dây dẫn ACSR400/51.
12	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 02 mạch x 4,5 km sau trạm 110 kV Tam Dương cấp điện cho trạm 110 kV Thanh Vân, dây dẫn ACSR400/51.
13	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 04 mạch x 2,0 km sau trạm 220 kV Chấn Hưng đấu chuyển tiếp trên 02 mạch đường dây 110 kV từ trạm 220 kV Vĩnh Tường - 110 kV Vĩnh Tường và từ trạm 110 kV Yên Lạc - trạm 110 kV Việt Trì (Đồng bộ với trạm 220 kV Chấn Hưng), dây dẫn ACSR400/51.

TT	Hạng mục
14	Xây dựng mới xuất tuyến 110 kV 02 mạch x 9,0 km sau trạm 220 kV Chấn Hưng đấu chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV từ trạm 110 kV Tam Dương - 110 kV Thanh Vân (Đồng bộ với trạm 220 kV Chấn Hưng), dây dẫn ACSR400/51.
15	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 1,5 km đấu nối trạm 110 kV Bá Thiện chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Bá Thiện - Khu công nghiệp Thăng Long 3, dây dẫn ACSR400/51.
16	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Sơn Lôi chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Yên - Khu công nghiệp Thăng Long 3, dây dẫn ACSR400/51.
17	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 2,0 km đấu nối trạm 110 kV Xuân Hòa chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 110 kV Khai Quang - trạm 220 kV Bá Thiện (sau chuyển thành đường dây 110 kV từ trạm 220 kV Bá Thiện - 220 kV Phúc Yên sau khi trạm 220 kV Phúc Yên vào vận hành), dây dẫn ACSR400/51.
18	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 1,5 km đấu nối trạm 110 kV Đồng Sóc về thanh cái 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Tường, dây dẫn ACSR400/51.
19	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Yên Lạc chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Tường - Việt Trì, dây dẫn ACSR400/51.
20	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Yên Lạc 2 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Yên - trạm 220 kV Vĩnh Tường, dây dẫn ACSR400/51.
21	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 10,0 km đấu nối trạm 110 kV Tam Dương chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Bá Thiện - Tam Đảo, dây dẫn ACSR400/51.
22	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Sông Lô chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Việt Trì - Lập Thạch, dây dẫn ACSR400/51.
23	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Lập Thạch 2 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Tam Dương - Sơn Nam, dây dẫn ACSR400/51.
24	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 10,5 km đấu nối trạm 110 kV Tam Dương 2 từ tạm 110 kV Tam Dương, dây dẫn ACSR400/51.

TT	Hạng mục
25	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 13,0 km đấu nối trạm 110 kV Sông Lô 2 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV Việt Trì - Lập Thạch, dây dẫn ACSR400/51.
26	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 1,0 km đấu nối trạm 110 kV Lập Thạch 3 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV Lập Thạch - 220 kV Tam Dương, dây dẫn ACSR400/51.
27	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 13,3 km tạo mạch vòng giữa trạm 110 kV Tam Dương và trạm 110 kV Lập Thạch, dây dẫn ACSR400/51.
28	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Bá Thiện 2 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Bá Thiện - trạm 110 kV Khu công nghiệp Thăng Long (Thăng Long 3), dây dẫn ACSR400/51.
29	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Sơn Lôi 2 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Bá Thiện - trạm 110 kV Khai Quang, dây dẫn ACSR400/51.
30	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 1,5 km đấu nối trạm 110 kV Vĩnh Yên 3 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Yên - trạm 110 kV Phúc Yên, dây dẫn ACSR400/51.
31	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Nam Bình Xuyên 2 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Yên - trạm 220 kV Vĩnh Tường, dây dẫn ACSR400/51.
32	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Đồng Cương chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Yên - trạm 220 kV Vĩnh Tường, dây dẫn ACSR400/51.
33	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 0,5 km đấu nối trạm 110 kV Chấn Hưng chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 110 kV Vĩnh Tường - trạm 220 kV Vĩnh Tường, dây dẫn ACSR400/51.
34	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 1,5 km đấu nối trạm 110 kV Lập Thạch 4 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Tam Dương - trạm 110 kV Sơn Nam, dây dẫn ACSR400/51.
35	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 6,0 km đấu nối trạm 110 kV Lập Thạch 5 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 110 kV Lập Thạch 3 - trạm 110 kV Lập Thạch, dây dẫn ACSR400/51.

TT	Hạng mục
36	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 8,0 km đấu nối trạm 110 kV Lập Thạch 5 về thanh cái 110 kV trạm 220 kV Chấn Hưng, dây dẫn ACSR400/51.
37	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 1,5 km đấu nối trạm 110 kV Sông Lô 3 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Việt Trì - trạm 110 kV Lập Thạch, dây dẫn ACSR400/51.
38	Xây dựng mới đường dây 02 mạch x 3,5 km đấu nối trạm 110 kV Tam Đảo 2 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110 kV trạm 220 kV Tam Dương - trạm 110 kV Sơn Nam, dây dẫn ACSR400/51.
39	Cải tạo đường dây 01 mạch thành 02 mạch dài 32 km từ trạm 220 kV Vĩnh Yên - 110 kV Việt Trì, dây dẫn ACSR400/51 hoặc ACCC315.
40	Treo dây 02 mạch 110 kV còn lại trên nhánh rẽ từ trạm 220 kV Vĩnh Tường chuyển tiếp trên đường dây 110 kV trạm 220 kV Vĩnh Yên - 110 kV Việt Trì, dây dẫn ACSR400/51 hoặc ACCC315.
41	Cải tạo đường dây 01 mạch thành 02 mạch dài 11,3 km từ trạm 220 kV Vĩnh Yên - 110 kV Phúc Yên - 110 kV Quang Minh/220 kV Mê Linh.
42	Cải tạo nâng tiết diện từ ACSR-185 thành ACSR400/51 hoặc ACCC315 dài 13,5 km đường dây 110 kV từ trạm 220 kV Việt Trì - Lập Thạch.
43	Đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo lưới điện hiện hữu để đồng nhất về năng lực truyền tải cho lưới điện/hoặc đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc khi có phụ tải mới đăng ký có công suất lớn hoặc phụ tải tăng trưởng đột biến.

Ghi chú:

- Hạ tầng cấp điện tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và việc đầu tư, quy mô, số lượng các dự án phát triển nguồn điện, các trạm biến áp, các tuyến đường dây trên địa bàn phải phù hợp, đồng bộ với Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII; phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng tại Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định; phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các quy hoạch, kế hoạch liên quan được cấp thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương.

- Tên, vị trí, quy mô, công suất đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Phụ lục XII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẤP, THOÁT NƯỚC TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Hạng mục	Số lượng công trình dự kiến
A	**NƯỚC SẠCH**	
I	**CẢI TẠO, NÂNG CẤP**	
1	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các dự án cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh	29
2	Cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch	01
3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung xã Trung Mỹ huyện Bình Xuyên	01
4	Xây dựng mở rộng cấp nước cho xã Liên Sơn, Liên Hòa từ nhà máy nước Thái Hòa - Hoa Sơn	01
5	Xây dựng mở rộng cấp nước cho xã Hồng Châu từ nhà máy nước Liên Châu - Hồng Phương	01
6	Xây dựng bổ sung tuyến ống cấp nước từ các công trình cấp nước sạch nông thôn trên toàn tỉnh	29
7	Nâng công suất nhà máy cấp nước mặt Việt Xuân	01
8	Nâng công suât nhà máy cấp nước mặt Tam Dương	01
9	Nâng công suất Nhà máy cấp nước Sông Lô (Tam Sơn)	01
10	Nâng công suất nhà máy cấp nước Bá Hiến	01
II	**XÂY DỰNG MỚI**	
1	Nhà máy cấp nước Phúc Bình	01
2	Nhà máy cấp nước Sông Hồng	01
3	Nhà máy cấp nước Đôn Nhân	01
4	Nhà máy cấp nước Bồ Lý	01

TT	Hạng mục	Số lượng công trình dự kiến
B	**THOÁT NƯỚC**	
I	**CẢI TẠO, NÂNG CẤP**	
	Nhà máy xử lý nước thải khu Trung tâm Vĩnh Yên	01
II	**XÂY DỰNG MỚI**	
1	Nhà máy xử lý nước thải khu Tây Vĩnh Yên	01
2	Nhà máy xử lý nước thải khu Nam Vĩnh Yên	01
3	Nhà máy xử lý nước thải khu Đông Bắc Vĩnh Yên	01
4	Nhà máy xử lý nước thải khu vực Phúc Yên	01
5	Nhà máy xử lý nước thải khu Trung tâm Vĩnh Yên	01
6	Các công trình tiêu thoát nước và xử lý nước thải của Dự án Quản lý nguồn nước và ngập lụt tỉnh Vĩnh Phúc	03 trạm xử lý nước thải tập trung quy mô 2.500 m^3/ngày đêm và các điểm xử lý nước thải phân tán

Ghi chú: Quy mô, công suất các nhà máy cấp nước, nhà máy xử lý nước thải có thể điều chỉnh theo nhu cầu thực tế tại các dự án cụ thể phù hợp với quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung đô thị để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Phụ lục XIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
1	Khu xử lý chất thải rắn tại phường Khai Quang,	Thành phố Vĩnh Yên	Xây mới
2	Khu xử lý chất thải rắn tại xã Ngọc Thanh	Thành phố Phúc Yên	Xây mới
3	Trung tâm tái chế phế thải và xử lý chất thải tại thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh	Thành phố Phúc Yên	Mở rộng
4	Khu xử lý chất thải rắn tại thị trấn Đạo Đức	Huyện Bình Xuyên	Xây mới
5	Khu xử lý chất thải rắn tại khu vực dự kiến quy hoạch cụm công nghiệp Sơn Lôi, xã Sơn Lôi	Huyện Bình Xuyên	Xây mới
6	Nâng công suất khu xử lý chất thải rắn tại thị trấn Hợp Hòa	Huyện Tam Dương	Mở rộng
7	Khu xử lý chất thải rắn tại khu đất giáp cụm công nghiệp Hợp Thành, thị trấn Hợp Châu	Huyện Tam Đảo	Xây mới
8	Khu xử lý chất thải rắn tại xã Ngũ Kiên	Huyện Vĩnh Tường	Xây mới
9	Khu xử lý chất thải rắn tại thị trấn Thổ Tang và xã Tân Phú	Huyện Vĩnh Tường	Xây mới
10	Khu xử lý chất thải rắn tại thị trấn Tam Hồng	Huyện Yên Lạc	Mở rộng
11	Khu xử lý chất thải rắn tại xã Nhạo Sơn	Huyện Sông Lô	Xây mới
12	Khu xử lý chất thải rắn tại xã Quang Yên	Huyện Sông Lô	Xây mới
13	Khu xử lý chất thải rắn tại xã Xuân Hòa	Huyện Lập Thạch	Xây mới

Ghi chú: Quy mô, công suất các khu xử lý chất thải rắn có thể điều chỉnh theo nhu cầu thực tế tại các dự án cụ thể phù hợp với quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung đô thị để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Phụ lục XIV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC NGHĨA TRANG, NHÀ TANG LỄ TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
I	**Nghĩa trang**	
1	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang Định Trung	Thành phố Vĩnh Yên
2	Xây dựng mới nghĩa trang Liên Đài Viên	Thành phố Phúc Yên
3	Xây dựng mới công viên nghĩa trang khu vực xã: Bắc Bình, Ngọc Mỹ	Huyện Lập Thạch
4	Xây dựng mới nghĩa trang tại xã Đồng Tĩnh và thị trấn Hợp Hòa	Huyện Tam Dương
5	Xây dựng mới nghĩa trang tại xã Phương Khoan	Huyện Sông Lô
6	Xây dựng mới nghĩa trang tại xã Đại Tự	Huyện Yên Lạc
7	Xây dựng mới nghĩa trang xã Yên Lập và thị trấn Tứ Trưng	Huyện Vĩnh Tường
II	**Nhà tang lễ**	**Xây dựng mới 10 nhà tang lễ tại các huyện, thành phố**

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm các dự án xây dựng khu nghĩa trang, nhà tang lễ sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định, đảm bảo phù hợp với quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung đô thị để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Phụ lục XV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT

TT	Địa điểm	Số trường dự kiến		
		Hiện có	Bổ sung	Tổng cộng
	Tổng số	**33**	**17**	**50**
1	Thành phố Vĩnh Yên	6	3	9
2	Thành phố Phúc Yên	3	3	6
3	Huyện Bình Xuyên	4	2	6
4	Huyện Tam Dương	3	1	4
5	Huyện Tam Đảo	2	0	2
6	Huyện Lập Thạch	4	1	5
7	Huyện Sông Lô	3	0	3
8	Huyện Vĩnh Tường	4	4	8
9	Huyện Yên Lạc	4	2	6
10	Xây dựng mới trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh		1	1

II. CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm dự kiến
1	**Số cơ sở hiện có**	**32**	
1.1	Các trường do trung ương quản lý	9	
-	Trường đại học Sư phạm Hà Nội 2	1	Thành phố Phúc Yên
-	Trường đại học Công nghệ Giao thông vận tải (cơ sở 2)	1	Thành phố Vĩnh Yên
-	Trường đại học Trưng Vương	1	Huyện Tam Dương

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm dự kiến
-	Trường đại học Kiến Trúc (cơ sở 2)	1	Thành phố Phúc Yên
-	Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp	1	Huyện Bình Xuyên
-	Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại	1	Thành phố Phúc Yên
-	Trường Cao đẳng nghề Việt Xô số 1	1	Thành phố Phúc Yên
-	Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội cơ sở 3	1	Thành phố Phúc Yên
-	Trường Cao đẳng Công nghệ kinh tế Hà Nội cơ sở 2	1	Thành phố Phúc Yên
1.2	Các trường do tỉnh quản lý	6	
-	Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc	1	Thành phố Vĩnh Yên
-	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc	1	Thành phố Vĩnh Yên
-	Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc	1	Thành phố Phúc Yên
-	Trường Trung cấp Công nghệ Thẩm mỹ Việt Hàn	1	Thành phố Vĩnh Yên
-	Trường Trung cấp Kinh doanh và quản lý Tâm Tín	1	Thành phố Vĩnh Yên
-	Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật xây dựng và Nghiệp vụ	1	Thành phố Phúc Yên
1.3	Các trung tâm giáo dục nghề nghiệp	17	Các huyện, thành phố
2	**Quy hoạch mới**		
-	Trường cao đẳng		Vị trí quy hoạch được cân nhắc trên nhu cầu, khả năng thu hút quỹ đất và các điều kiện khác của địa phương
-	Trường trung cấp ngoài công lập		Vị trí quy hoạch được cân nhắc trên nhu cầu, khả năng thu hút quỹ đất và các điều kiện khác của địa phương

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm dự kiến
-	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên		Huyện Sông Lô

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Đối với những cơ sở giáo dục, đào tạo, nghề nghiệp chưa có trong danh mục thì tiếp tục duy trì, phát triển như hiện trạng.

Phụ lục XVI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ Y TẾ
TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm dự kiến
	Các cơ sở y tế		
A	**Khối công lập thuộc tỉnh**		
	Các cơ sở hiện có (xây mới và nâng cấp)		
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1	Thành phố Vĩnh Yên
2	Bệnh viện đa khoa khu vực Phúc Yên	1	Thành phố Phúc Yên
3	Bệnh viện Sản - Nhi	1	Huyện Yên Lạc
4	Bệnh viện Y học cổ truyền	1	Thành phố Vĩnh Yên
5	Bệnh viện hồi phục chức năng	1	Thành phố Vĩnh Yên
6	Bệnh viện Tâm thần	1	Thành phố Vĩnh Yên
7	Bệnh viện đa khoa Giao thông vận tải	1	Thành phố Phúc Yên
8	Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên	1	Thành phố Vĩnh Yên
9	Trung tâm y tế thành phố Phúc Yên	1	Thành phố Phúc Yên
10	Trung tâm y tế huyện Bình Xuyên	1	Huyện Bình Xuyên
11	Trung tâm y tế huyện Tam Dương	1	Huyện Tam Dương
12	Trung tâm y tế huyện Tam Đảo	1	Huyện Tam Đảo
13	Trung tâm y tế huyện Lập Thạch	1	Huyện Lập Thạch
14	Trung tâm y tế huyện Sông Lô	1	Huyện Sông Lô
15	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Tường	1	Huyện Vĩnh Tường
16	Trung tâm y tế huyện Yên Lạc	1	Huyện Yên Lạc
17	Các cơ sở y tế tuyến tỉnh		Các huyện, thành phố
	Quy hoạch mới		
1	Nghiên cứu đầu tư xây dựng mới các cơ sở y tế thuộc tỉnh		Các huyện, thành phố

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm dự kiến
B	**Khối công lập thuộc bộ, ngành**		
1	Bệnh viện Quân Y 109	1	Thành phố Vĩnh Yên
2	Bệnh viện 74 Trung ương	1	Thành phố Phúc Yên
C	**Các cơ sở y tế ngoài công lập**		
1	Bệnh viện Hữu nghị Lạc Việt	2	Cơ sở 1: Thành phố Vĩnh Yên Cơ sở 2: Thành phố Phúc Yên
2	Các cơ sở y tế ngoài công lập (thành lập mới)		Số cơ sở và địa điểm trên toàn tỉnh dựa trên nhu cầu và khả năng thu hút đầu tư của từng địa phương

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Đối với những cơ sở chưa có trong danh mục thì tiếp tục duy trì, phát triển như hiện trạng.

Phụ lục XVII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm dự kiến
I	**Các cơ sở hiện có (cải tạo, nâng cấp)**		
1	Trung tâm Điều dưỡng người có công Tam Đảo	1	Huyện Tam Đảo
2	Trung tâm công tác xã hội tỉnh Vĩnh Phúc	1	Thành phố Vĩnh Yên
3	Trung tâm nuôi dưỡng và Phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Vĩnh Phúc	1	Huyện Tam Dương
4	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc	1	Huyện Tam Dương
II	**Quy hoạch mới**		
1	Khuyến khích thu hút thành lập các cơ sở trợ giúp xã hội		Các huyện, thành phố
2	Trung tâm Điều dưỡng người có công	1	Thành phố Phúc Yên

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Đối với những cơ sở chưa có trong danh mục thì tiếp tục duy trì, phát triển như hiện trạng.

Phụ lục XVIII
CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH VĨNH PHÚC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)	
		Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ *	Nhu cầu tăng/giảm so với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ* theo đề nghị của tỉnh
I	**Loại đất**		
I.1	**Đất nông nghiệp**	**75.770**	**-10.357**
	Trong đó:		
1	Đất trồng lúa	23.593	-6.129
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	23.593	-8.252
2	Đất rừng phòng hộ	3.656	-185
3	Đất rừng đặc dụng	14.988	342
4	Đất rừng sản xuất	7.730	-687
I.2	**Đất phi nông nghiệp**	**47.747**	**10.391**
	Trong đó:		
1	Đất quốc phòng	1.547	
2	Đất an ninh**	473	111
3	Đất khu công nghiệp	4.815	631
4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	19.700	4.584
	Trong đó:		
	Đất giao thông	12.053	1.272
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	436	90
	Đất xây dựng cơ sở y tế	126	48
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	1.617	
	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	756	824
	Đất công trình năng lượng	336	61
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	28	10

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)	
		Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ *	Nhu cầu tăng/giảm so với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ* theo đề nghị của tỉnh
5	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	8	
6	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	157	62
7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	259	76
I.3	**Đất chưa sử dụng**	**83**	**-34**
II	**Khu chức năng**		
	Đất khu công nghệ cao		
	Đất khu kinh tế		
	Đất đô thị	**27.844**	**7.055**

Ghi chú:

- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất trong quy hoạch tỉnh để làm căn cứ thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo đúng quy định của pháp luật.

* Theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025.

** Diện tích đất an ninh đến năm 2030 thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

Diện tích đất lâm nghiệp thực hiện theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phụ lục XIX

PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên vùng/tiểu vùng/khu vực	Ký hiệu
A	**PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**	
I	**Vùng bảo vệ nghiêm ngặt**	**N**
1	**Tiểu vùng bảo tồn nghiêm ngặt**	**N1**
	Vườn Quốc gia Tam Đảo	
	Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Đông Bắc bộ	
	Khu vực các vùng đất ngập nước quan trọng: ngã 3 sông Đà - sông Lô - sông Thao, hồ Vân Trục, Hồ Đại Lải	
	Vùng bảo vệ nguồn nước hồ cấp nước sinh hoạt: hồ Đại Lải, hồ Vân Trục, hồ Xạ Hương, hồ Bò Lạc,…	
	Khu vực bảo vệ I của các di tích quốc gia đặc biệt, di tích cấp quốc gia trên địa bàn	
	Vùng sinh thủy và khu vực cấp nước sinh hoạt	
2	**Tiểu vùng bảo vệ có kiểm soát**	**N2**
	Các đô thị loại II: thành phố Vĩnh Yên và Phúc Yên	
	Phân khu dịch vụ hành chính: Khu bảo tồn thiên nhiên Vườn quốc gia Tam Đảo; khu bảo tồn loài và sinh cảnh Đông bắc bộ; khu bảo tồn loài và sinh cảnh Khu vực ngã 3 sông Đà - sông Lô - sông Thao; khu bảo vệ cảnh quan Thiền viện Trúc lâm Tuệ Đức; khu bảo vệ cảnh quan hồ Vân Trục; khu bảo vệ cảnh quan hồ Đại Lải,…	
II	**Vùng hạn chế phát thải**	**H**
1	**Tiểu vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên, khu di tích lịch sử - văn hóa - danh lam thắng cảnh, khu di sản thiên nhiên, khu vực khác không phải khu dân cư tập trung ở đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III**	**H1**

STT	Tên vùng/tiểu vùng/khu vực	Ký hiệu
	Vùng đệm các khu bảo tồn thiên nhiên Vườn quốc gia Tam Đảo; khu bảo tồn loài và sinh cảnh Đông bắc bộ; khu vực các vùng đất ngập nước quan trọng: ngã 3 sông Đà - sông Lô - sông Thao, hồ Vân Trục, Hồ Đại Lải.	
	Khu vực bảo vệ II Khu di tích lịch sử: di tích Tháp Bình Sơn; quần thể di tích Tây Thiên - Tam Đảo; di tích Đình Thổ Tang.	
2	**Tiểu vùng hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt**	**H2**
	Hành lang bảo vệ nguồn nước các sông suối trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc: sông Hồng; sông Lô; sông Phó Đáy.	
3	**Tiểu vùng khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V**	**H3**
	05 đô thị loại IV: thị xã Vĩnh Tường, thị xã Tam Đảo, thị xã Bình Xuyên; đô thị Yên Lạc, đô thị Tam Dương	
	19 đô thị loại V tại huyện Sông Lô và huyện Lập Thạch	
4	**Tiểu vùng khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường cần được bảo vệ**	**H4**
	Vùng trồng lúa 2 vụ tại các huyện: Sông Lô; Vĩnh Tường; Yên Lập; Tam Dương; Lập Thạch	
	Vùng nuôi cá nước ngọt ở các hồ chứa thủy lợi và trên các vùng nước ven sông, suối các huyện: Vĩnh Tường; Yên Lạc, Bình Xuyên; Tam Dương, Vĩnh Yên; Phúc Yên; Tam Đảo.	
III	**Vùng khác**	**K**
	Các khu vực còn lại ngoài các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải	K
B	**PHƯƠNG ÁN BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC**	
I	**Khu bảo tồn thiên nhiên**	**BT**
II	**Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học**	**CS**
1	Vườn thực vật	CS1
2	Vườn cây thuốc	CS2
3	Trung tâm cứu hộ động vật	CS3

Phụ lục XX

PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục/địa phương	Tổng số (điểm)	Trong đó:	
			Hiện có	Bổ sung mới
I	**Môi trường nước mặt**	**109**	**47**	**62**
1	Huyện Sông Lô	12	4	8
2	Huyện Lập Thạch	12	2	10
3	Huyện Tam Dương	26	17	9
4	Huyện Tam Đảo	10	6	4
5	Huyện Bình Xuyên	16	10	6
6	Thành phố Vĩnh Yên	4	4	0
7	Thành phố Phúc Yên	8	5	3
8	Huyện Yên Lạc	12	0	12
9	Huyện Vĩnh Tường	11	1	10
II	**Môi trường nước dưới đất**	**51**	**30**	**21**
1	Huyện Sông Lô	7	4	3
2	Huyện Lập Thạch	4	2	2
3	Huyện Tam Dương	4	2	2
4	Huyện Tam Đảo	6	4	2
5	Huyện Bình Xuyên	10	6	4
6	Thành phố Vĩnh Yên	1	0	1
7	Thành phố Phúc Yên	3	2	1
8	Huyện Yên Lạc	8	5	3
9	Huyện Vĩnh Tường	8	6	2
III	**Môi trường không khí xung quanh**	**102**	**40**	**62**
1	Huyện Sông Lô	13	5	8
2	Huyện Lập Thạch	16	6	10

STT	Danh mục/địa phương	Tổng số (điểm)	Trong đó:	
			Hiện có	Bổ sung mới
3	Huyện Tam Dương	14	5	9
4	Huyện Tam Đảo	8	4	4
5	Huyện Bình Xuyên	10	4	6
6	Thành phố Vĩnh Yên	2	2	0
7	Thành phố Phúc Yên	5	2	3
8	Huyện Yên Lạc	20	8	12
9	Huyện Vĩnh Tường	13	3	10
IV	**Môi trường đất**	**25**	**13**	**12**
1	Huyện Sông Lô	3	1	2
2	Huyện Lập Thạch	4	2	2
3	Huyện Tam Dương	2	1	1
4	Huyện Tam Đảo	3	3	
5	Huyện Bình Xuyên	6	2	4
6	Thành phố Vĩnh Yên	0	0	
7	Thành phố Phúc Yên	1	1	
8	Huyện Yên Lạc	4	2	2
9	Huyện Vĩnh Tường	2	1	1
V	**Môi trường trầm tích**	**15**	**15**	
1	Huyện Sông Lô	0	0	
2	Huyện Lập Thạch	0	0	
3	Huyện Tam Dương	2	2	
4	Huyện Tam Đảo	0	0	
5	Huyện Bình Xuyên	3	3	
6	Thành phố Vĩnh Yên	4	4	
7	Thành phố Phúc Yên	4	4	
8	Huyện Yên Lạc	1	1	
9	Huyện Vĩnh Tường	1	1	

Phụ lục XXI

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Loại khoáng sản	Hiện trạng	Tổng số khu mỏ	Tổng diện tích dự kiến (ha)	Trữ lượng và tài nguyên còn lại (tạm tính)	Ghi chú
I	Các khu mỏ quy hoạch khoáng sản cơ quan trung ương cấp phép: Không có					
II	Các khu vực quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh: 52 khu vực					
1	Đất làm vật liệu san lấp	38 khu vực đang có hoạt động khai thác còn hiệu lực; 64 khu vực đề nghị bổ sung quy hoạch, trong đó có 62 khu vực là đất san lấp và 02 khu vực là nạo vét lòng sông.	102	682	78,30	Triệu m^3
2	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	10 mỏ đang khai thác; 04 mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng chưa cấp phép khai thác.	14	123	16,43	Triệu m^3
3	Cát xây dựng	05 mỏ đang khai thác, 10 mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng chưa cấp phép khai thác, 9 khu vực đề nghị bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và 05 khu vực trên các sông, suối.	29	339	5,47	Triệu m^3

STT	Loại khoáng sản	Hiện trạng	Tổng số khu mỏ	Tổng diện tích dự kiến (ha)	Trữ lượng và tài nguyên còn lại (tạm tính)	Ghi chú
4	Sét làm gạch	01 mỏ đang khai thác, 12 khu vực đề nghị bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác.	11	422	8,86	Triệu m^3
5	Than bùn	Có 02 khu vực đề nghị thăm dò, khai thác.	2	77,48	1,18	Triệu tấn

Ghi chú:

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ quy hoạch cấp cao hơn, phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan để rà soát, xác định và điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển của tỉnh, các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền và quy định hiện hành.

- Các khu vực bãi thải của mỏ có quyết định đóng cửa mỏ và các khu vực khoáng sản được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố là khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ thì quy mô diện tích, công suất, giai đoạn theo dự án đầu tư, đề án thăm dò được lập và phê duyệt.

- Đối với một số khu vực mỏ, khoáng sản dự kiến khai thác sau năm 2030, trường hợp đủ điều kiện và huy động được nguồn lực đầu tư thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho phép triển khai sớm hơn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

- Tất cả các khu vực quy hoạch, khi thăm dò phát hiện khoáng sản có giá trị cao hơn vật liệu xây dựng thông thường phải báo cấp có thẩm quyền giải quyết, định hướng khai thác sử dụng đúng giá trị tài nguyên.

- Đối với cát xây dựng và san lấp trên tuyến sông, đặc biệt là sông Hồng phải có đầu tư khảo sát đánh giá, xác định chi tiết diện tích thăm dò, khai thác để đảm bảo an toàn môi trường, dòng chảy và lòng bờ, bãi sông, tuân thủ theo các quy định Luật Khoáng sản và các Nghị định có liên quan. Đặc biệt là Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

Phụ lục XXII
DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án
I	**Giao thông vận tải**
1	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến đường quốc lộ 2 (đoạn qua địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc)
	Cải tạo, mở rộng quốc lộ 2 đoạn Vĩnh Yên - Việt Trì
	Mở rộng quốc lộ 2 đoạn từ cầu Xuân Phương đến Vĩnh Yên
	Mở rộng quốc lộ 2 tránh thành phố Vĩnh Yên và xây dựng đường gom 2
2	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến đường trục Bắc - Nam (đoạn từ cầu Vân Phúc, huyện Yên Lạc đến thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo)
	Đường trục Bắc - Nam đô thị Vĩnh Phúc đoạn quốc lộ 2A tránh thành phố Vĩnh Yên đến đường Vành đai 3
	Nâng cấp, mở rộng đường trục Bắc - Nam đô thị Vĩnh Phúc, đoạn từ đường Vành đai 2 thành phố Vĩnh Yên đến thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo
3	Xây dựng Đường Vành đai 5 thủ đô đoạn từ cầu Vĩnh Thịnh đến nút giao IC5 (gồm cả đường gom 2 bên)
4	Đường Vành đai 5 đoạn từ hồ Vân Trục đến đê tả sông Lô
5	Đường Vành đai 4 đoạn từ huyện Bình Xuyên đến huyện Vĩnh Tường (giai đoạn 2)
6	Đường Vành đai 4 theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải đoạn từ quốc lộ 2 đi đường tỉnh 305
7	Đường vành đai 2 thành phố Vĩnh Yên, đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến quốc lộ 2 (bao gồm cả cầu vượt đường sắt)
8	**Xây dựng mới, nâng cấp tuyến đường tỉnh 310**
	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 310C đoạn từ quốc lộ 2C đến quốc lộ 2B
	Xây dựng đường tỉnh 310 kéo dài (tuyến tránh quốc lộ 2C)
9	**Xây dựng tuyến đường gom hai bên đường sắt Hà Nội - Lào Cai (nhằm tăng cường liên kết trục Đông - Tây hướng tâm)**
	Đường gom hai bên đường sắt Hà Nội - Lào Cai (tuyến phía Bắc và tuyến phía Nam), các đoạn còn lại kết nối từ Vĩnh Yên đến cầu Hạc Trì

TT	Tên dự án
	Đường song song đường sắt Hà Nội - Lào Cai (tuyến phía bắc) đoạn từ quốc lộ 2C đến đường Hợp Thịnh - Đạo Tú
	Đường song song đường sắt Hà Nội - Lào Cai (tuyến phía bắc) đoạn từ đường tỉnh 310B (Cảng cạn ICD) đến quốc lộ 2 Phúc Yên
10	Xây dựng đường trục Đông - Tây đô thị Vĩnh Phúc, đoạn từ Tân Phong đi Trung Nguyên (đường tỉnh 303C)
11	Mở rộng đường trục trung tâm Khu đô thị mới Mê Linh
12	Xây dựng mới đường trục trung tâm Mê Linh kéo dài kết nối hồ Đại Lải
13	Xây dựng tuyến giao thông kết nối đê tả sông Hồng đến cầu Vân Phúc
14	Xây dựng tuyến đường dẫn và cầu Hải Lựu
15	Xây dựng đường tỉnh 310D
16	Xây dựng cầu Vĩnh Phú qua sông lô kết nối hai tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ
17	Xây dựng nút giao IC2 và nút giao IC5 Cao tốc Nội Bài - Lào Cai
18	Bến xe khách kiêm bãi đỗ xe Phúc Yên
19	Xây dựng các cảng thủy quốc gia (cảng Cam Giá, cảng Vĩnh Thịnh, cảng An Tường, cảnh Như Thụy, cảng Đức Bác)
20	Xây dựng các cảng thủy địa phương (cảng Hải Lựu, cảng Sơn Đông, cảng Cao Phong, cảng Cao Đại, cảng Trung Hà, cảng Việt Xuân)
II	**Công nghiệp, năng lượng**
1	Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp điện tử tại vùng công nghiệp động lực, các huyện, thành phố bám dọc theo trục đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai và trục đường Vành đai 4 của tỉnh
2	Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến trong nông nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng tại vùng công nghiệp phụ trợ thuộc các huyện, thành phố bám dọc theo trục đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai và trục đường Vành đai 4 của tỉnh và đường tỉnh 310
3	Thu hút đầu tư các dự án sản xuất kinh doanh vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh
4	Thu hút đầu tư các dự án sản xuất kinh doanh vào các cụm công nghiệp phát triển mới
5	Xây dựng hệ thống hạ tầng truyền tải điện đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và sinh hoạt trên địa bàn tỉnh

TT	Tên dự án
III	**Đô thị - Thương mại**
1	Thu hút đầu tư xây dựng các đô thị, trung tâm thương mại, siêu thị,… tập trung tại các thành phố và trung tâm các huyện
2	Thu hút đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tại khu vực hồ Sáu Vó huyện Bình Xuyên, xã Ngọc Thanh thành phố Phúc Yên, huyện Tam Đảo, huyện Lập Thạch,…
3	Xây dựng các khu nhà ở công nhân, nhà ở xã hội phục vụ cho công nhân lao động trong các Khu công nghiệp
4	Thu hút đầu tư xây dựng chợ đầu mối, trung tâm trưng bày sản phẩm tại huyện Vĩnh Tường và huyện Yên Lạc
IV	**Văn hóa - Thể thao - Du lịch**
1	Dự án xây dựng trung tâm triển lãm tỉnh và giới thiệu thành tựu kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc.
2	Tu bổ, tôn tạo, phục hồi các di tích lịch sử, di tích được xếp hạng trên địa bàn tỉnh
3	Khu liên hợp thể thao tỉnh Vĩnh Phúc
4	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hạ tầng du lịch, các thiết chế văn hóa, thể thao của tỉnh
5	Thu hút các dự án đầu tư vào các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, vui chơi giải trí, sân gôn,… ở các huyện, thành phố
6	Phát triển các dự án du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, vui chơi giải trí, sân gôn ven chân núi Tam Đảo, hồ Vân Trục, hồ Bò Lạc, Suối Sải, Thác Bay,…
7	Phát triển tổ hợp các khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, sân gôn, dịch vụ vui chơi giải trí, chăm sóc y tế, sức khỏe tại xã Ngọc Thanh và các khu vực lân cận
8	Phát triển các dự án du lịch khám phá, du lịch văn hóa, kết hợp vui chơi giải trí, sinh thái, nghỉ dưỡng Tây Thiên
9	Phát triển các dự án tổ hợp du lịch dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng vui chơi tại khu vực Đầm Rừng, Đầm Vạc,…
V	**Khoa học, Công nghệ, Thông tin truyền thông**
1	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ, các khu thực nghiệm ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật
2	Xây dựng Trung tâm Ứng dụng và Đổi mới sáng tạo tỉnh Vĩnh Phúc

TT	Tên dự án
3	Phát triển các trạm phát sóng 5G và hạ tầng kết nối vạn vật (IoT) - hạ tầng nền tảng số và dữ liệu số phục vụ chuyển đổi số
4	Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình,…
VI	**Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản và Thủy lợi**
1	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, hồ chứa nước lớn phục vụ đa mục đích (thủy lợi và phát triển du lịch)
2	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp tuyến đê, kè, kênh mương, luồng tiêu, trạm bơm,...
3	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình phục vụ nông, lâm nghiệp và thủy sản
4	Khuyến khích thu hút đầu tư các dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng tập trung; các dự án nông, lâm nghiệp và thủy sản liên kết theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ;… tại các huyện, thành phố
VII	**Môi trường**
1	Dự án bảo tồn đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Tam Đảo
2	Các dự án bảo tồn, lưu trữ và phát triển nguồn gen bản địa quý hiếm có giá trị; dự án ngăn ngừa và diệt trừ sinh vật ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại; dự án phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái
3	Xây dựng các nhà máy thu gom/xử lý nước thải, rác thải, chất thải rắn
4	Xây dựng các nghĩa trang tập trung, nhà tang lễ tại các huyện, thành phố, xây dựng công viên nghĩa trang
5	Xây dựng hệ thống các trạm, điểm quan trắc môi trường
VIII	**Giáo dục đào tạo, lao động thương binh xã hội và y tế**
1	Xây dựng trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh
2	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường học trên địa bàn tỉnh
3	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh
4	Cải tạo, nâng cấp trường Chính trị tỉnh
5	Xây dựng mới Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh

TT	Tên dự án
6	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các bệnh viện tuyến tỉnh, các cơ sở y tế tuyến tỉnh, các trung tâm y tế tuyến huyện, các trạm y tế tuyến xã
7	Khuyến khích thu hút đầu tư xây dựng trường học các cấp, các trung tâm trải nghiệm giáo dục, các cơ sở y tế tư nhân, các cơ sở trợ giúp xã hội,…

Ghi chú:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và các quyết định đầu tư dự án tại Phụ lục này.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của địa phương,... và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

Phụ lục XXIII

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH VĨNH PHÚC THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sơ đồ, bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc	1:50.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Vĩnh Phúc	1:50.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Vĩnh Phúc	1:50.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Vĩnh Phúc	1:50.000
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Vĩnh Phúc	1:50.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Vĩnh Phúc	1:50.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Vĩnh Phúc	1:50.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện tỉnh Vĩnh Phúc	1:50.000